|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT**  **TRƯỜNG TH&THCS** | **MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ**  **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**  **MÔN: NGỮ VĂN 7**  **Năm học: 2022 – 2023**  *Thời gian làm bài: 90 phút*  **(Bộ sách Cánh Diều)** |

**MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | 1. Truyện ngụ ngôn | **3** | 0 | **5** | 0 | 0 | **2** | 0 |  | **60** |
| 2. Thơ |
| 3. Văn bản nghị luận |
| **2** | **Viết** | 1. Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật. | 0 | **1\*** | 0 | **1\*** | 0 | **1\*** | 0 | **1\*** | **40** |
| 2. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/**  **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | 1.Truyện ngụ ngôn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện.  - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.  **-** Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. | **3 TN** | **5 TN** | **2 TL** |  |
|  |  | 2. Thơ | **Nhận biết:**  - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  - Xác định được số từ, phó từ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. |  |  |  |  |
| 3. Văn bản nghị luận | **Nhận biết**:  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: nói quá, nói giảm nói tránh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản. |  |  |  |  |
| **2** | **Viết** | 1. Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật. | **Nhận biết:** Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học  **Thông hiểu:** Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật.  **Vận dụng:** Biết sử dụng phương pháp lập luận, lí lẽ, dẫn chứng để phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật  **Vận dụng cao:** Có sáng tạo, có cảm xúc sâu sắc | **1TL\*** | **1TL\*** | **1TL\*** | **1TL\*** |
| 2. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:** Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống  **Thông hiểu:** trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết;  **Vận dụng:** đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng  **Vận dụng cao:** Có sáng tạo, có cảm xúc suy nghĩ sâu sắc |  |  |  |  |
| **Tổng** | |  | | **3 TN**  **1TL\*** | **5 TN**  **1TL\*** | **2 TL**  **1TL\*** | **1TL\*** |
| ***Tỉ lệ %*** | |  | | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | |  | | **60%** | | **40%** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT**  **TRƯỜNG THCS** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**  **MÔN: NGỮ VĂN 7**  **Năm học: 2022 – 2023**  *Thời gian làm bài: 90 phút* ***(Đề kiểm tra này gồm 02 trang)*** |

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc câu chuyện sau và trả lời câu hỏi**

*Đom Đóm và Giọt Sương*

*Tối hôm đó không có trăng nhưng bầu trời đầy sao sáng. Đom Đóm bay từ bụi tre ngà ra ruộng lúa. Cây đèn của Đom Đóm cứ chớp lên trong đêm, trông đẹp như ngôi Sao Hôm đang nhấp nháy.*

*Đom Đóm sà xuống chân ruộng bắt mấy con Rầy Nâu hại lúa để ăn lót dạ. Sau đó, cậu ta bay lên một gò cao, đậu lên một bông cỏ may, vừa hóng gió thu về đêm, vừa làm cho cây đèn của mình sáng thêm. Bỗng Đom Đóm nhìn sang bên cạnh và thấy cô bạn Giọt Sương đang đung đưa trên lá cỏ. Đom Đóm thầm nghĩ: "Ôi! Bạn Giọt Sương thật là xinh đẹp!". Rồi Đom Đóm cất cánh bay quanh Giọt Sương. Lạ thật! Càng đến gần, Đom Đóm lại càng thấy Giọt Sương đẹp hơn. Đom Đóm cất tiếng:*

*- Chào bạn Giọt Sương, trông bạn lung linh, tỏa sáng như một viên ngọc vậy!*

*Giọt Sương dịu dàng nói:*

*- Bạn Đom Đóm ơi! Mình sáng đẹp thế này là vì mình phản chiếu ánh sáng từ các ngôi sao trên bầu trời, có khi còn mờ hơn ánh sáng cây đèn của bạn. Mình nghĩ bạn mới là người đẹp nhất, sáng nhất, vì bạn sáng lên được từ chính bản thân mình. Bạn thật đáng tự hào!*

*Đom Đóm nói:*

*- Bạn Giọt Sương khiêm tốn quá! Nhưng mình xin cảm ơn bạn về những lời tốt đẹp bạn dành cho mình. Thôi, chào bạn! Mình đi bắt bọn Rầy Nâu hại lúa đây!*

*Đom Đóm bay đi, Giọt Sương còn nói với theo, giọng đầy khích lệ:*

*- Xin chúc bạn làm tròn nhiệm vụ của mình để đồng ruộng thêm tươi tốt nhé!*

( <http://eTruyen.com> )

**Câu 1.** Chỉ ra ngôi kể và đặc điểm về cách kể trong truyện *Đom Đóm và Giọt Sương*?

A. Ngôi 1; Thuộc văn xuôi

B. Ngôi 3; Thuộc văn vần

C. Ngôi 3; thuộc văn xuôi

D. Ngôi 1 xen ngôi 3; Thuộc văn xuôi

**Câu 2.** Xác định nhân vật chính?

A. Đom Đóm

B. Giọt sương

C. Cả Đom Đóm và Giọt Sương

D. Rầy Nâu

**Câu 3. Từ *nhất* trong câu: *Mình nghĩ bạn mới là người đẹp nhất, sáng nhất, vì bạn sáng lên được từ chính bản thân mình* là:**

**A.**Số từ

**B.**Chỉ từ

**C.**Phó từ

**D.**Danh từ

**Câu 4. Câu nói của Đom Đóm:** *Chào bạn Giọt Sương, trông bạn lung linh, tỏa sáng như một viên ngọc vậy!* Dùng để:

**A.**Chào

**B.**Nịnh.

**C.**Khen.

**D.**Chào và bộc lộ lòng ngưỡng mộ.

**Câu 5.** Nghĩa của từ “*nhấp nháy*” trong câu: “*Cây đèn của Đom Đóm cứ chớp lên trong đêm, trông đẹp như ngôi Sao Hôm đang nhấp nháy”.* là:

A. Đôi mắt của Đom Đóm cứ nhắm vào lại mở ra liên tiếp

B. Bụng Đom Đóm lóe sáng rồi tắt ngay một cách liên tiếp

C. Đôi cánh Đom Đóm lóe sáng rồi tắt ngay một cách liên tiếp

D. B + C

**Câu 6.** Câu nói của Giọt Sương: . *Mình nghĩ bạn mới là người đẹp nhất, sáng nhất, vì bạn sáng lên được từ chính bản thân mình. Bạn thật đáng tự hào!*    Khiến em liên tưởng đến câu tục ngữ, thành ngữ nào trong số các câu sau đây:

1. *Lời nói chẳng mất tiền mua*

*Liệu lời mà nói cho vừa lòng nhau.*

*B. Hữu xạ tự nhiên hương*

*C. Gần mực thì đen, gần đẹn thì sáng*

*D. Sống trong bể ngọc kim cương*

*Không bằng sống giữa tình thương bạn bè.*

**Câu 7.** Vì sao càng đến gần, Đom Đóm càng thấy Giọt Sương đẹp hơn?

A. Vì bầu trời đầy sao sáng.

B. Vì *cây đèn* của Đom Đóm sáng hơn.

C. Vì Giọt Sương được ánh sáng từ các ngôi sao trên bầu trời phản chiếu

D. . Vì Giọt Sương được ánh sáng từ các ngôi sao trên bầu trời và *cây đèn* của Đom Đóm phản chiếu.

**Câu 8.** Tính cáchcủa nhân vậtĐom Đóm được thể hiện qua phương diện:

1. Ngoại hình; lời nói; hành động; ý nghĩ; đánh giá của nhân vật khác.
2. Lời nói; hành động; đánh giá của nhân vật khác.
3. Ngoại hình; cử chỉ; lời nói; nhận xét của người kể chuyện.
4. Ngoại hình; cử chỉ; hành động; lời đối thoại; nhận xét của người kể chuyện.

**Trả lời câu hỏi /Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9. Thái độ của em với nhân vật Giọt sương qua cuộc đối thoại với Đom Đóm. Vì sao em có thái độ đó?**

**Câu 10. Viết một đoạn văn (khoảng 6 đến 8 dòng) nêu lên bài học cho bản thân từ câu chuyện trên? ( Có sử dụng tục ngữ hay thành ngữ và dấu chấm lửng.)**

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết một bài văn trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của vấn đề tự học

*Họ và tên giám thị 1:.................................; Họ và tên học sinh:...................................*

**Hết**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
| **9** | Thái độ: yêu mến  Vì bạn Giọt sương có nhiều phẩm chất tốt như cởi mở, chân thành, khiêm tốn, nói năng dịu dàng, lịch sự. Biết động viên, khích lệ người khác. Bạn cũng rất xinh đẹp. | 1,0 |
| **10** | Bài học:  -Trong giao tiếp, cần nói năng lịch sự với thái độ cởi mở, chân thành.  - Tất cả mọi người, mọi vật đều có vẻ đẹp riêng và cùng góp ích cho cuộc sống này.  -Khi có tâm hồn đẹp, hành động đẹp, con người sẽ tự tỏa sáng | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* 3 phần đầy đủ(MB nêu được vấn đề, TB triển khai được vấn đề, KB khái quát được vấn đề) | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề.*  Nghị luận vấn đề ý nghĩa của tự học. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể nghị luận theo nhiều các khác nhau nhưng vẫn đảm bảo được các yêu cầu sau: | 3,0 |
|  | - Nêu vấn đề cần nghị luận: ý nghĩa của tự học  -Giải thích thế nào là tự học, biểu hiện của tự học  - Người viết phân tích ý nghĩa của tự học.  +Sử dụng lí lẽ.  + Nêu dẫn chứng....  - Mở rộng vấn đề  -Rút ra bài học, liên hệ bản thân.  -Khẳng định ý nghĩa, vai trò của tự học, nêu hướng rèn luyện của bản thân. | *0,5*  *2,0*  *0,5* |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt | 0,25 |
|  | *e. Sáng tạo:* Bố cục mạch lạc, lí lẽ thuyết phục, dẫn chứng xác thực. | 0,25 |